

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 02/12/2020

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Tập 23

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học hôm nay trước tiên chúng tôi tổng kết một chút những trọng điểm của kinh văn phẩm thứ ba “Đại Giáo Duyên Khởi Đệ Tam”. Kinh văn phẩm thứ ba không dài, nhưng nội dung rất quan trọng. Chúng tôi giảng hết ba tiết, từ tập 20 đến tập 22, tổng kết lại những trọng điểm như sau để quý vị đồng tu tham khảo.

Trọng điểm thứ nhất: kinh văn phẩm thứ ba là Phát Khởi Tụ trong phần Tụ của cả bộ kinh, đại biểu nhân duyên phát khởi bộ kinh này. Bốn mươi tám phẩm trong cả bộ kinh Vô Lượng Thọ có thể chia thành ba phần.

Một, phần Tụ.

Hai, phần Chánh Tông.

Ba, phần Lưu Thông.

Phần Tụ giống như đầu của con người, có lông mày, mắt, tai, mũi, miệng, có thể biểu hiện trí tuệ và thiện ác của người này. Phần Chánh Tông giống như thân thể. Phần Lưu Thông giống như tay chân.

Phẩm thứ nhất và thứ hai của kinh này là Phần Tụ Chung, cũng gọi là Phần Tụ Chứng Tín. Phần này các kinh đều có, trong đó bao gồm sáu loại “Tín, Văn, Thời, Chủ, Xứ, Chúng”, để chứng minh kinh văn thực sự do Phật nói ra. Sáu loại này, trong Giáo gọi là “sáu loại thành tựu”. Người giảng là ai? Nghe xong giảng lại là ai? Thời gian, địa điểm, đại chúng cùng nghe là ai? Đề viết rõ ràng để chứng minh việc giảng kinh là sự thực.

Căn cứ vào kinh này mà nói, sáu loại thành tựu là:

Một, “Nhu thị” là Tín Thành Tụ.

Hai, “Ngã văn” là Văn Thành Tụ.

Ba, “Nhất thời” là Thời Thành Tụ.

Bốn, “Phật” là Chủ Thành Tụ.

Năm, “Trong núi Kỳ-xà-quật tại thành Vương-xá” là Xứ Thành Tụ.

Sáu, chúng Thanh văn, chúng Bồ-tát v.v... là Chúng Thành Tụ.

Kinh văn phẩm thứ ba là Phần Tựa riêng, Phần Tựa riêng là phần Tựa chỉ kinh này mới có. Phần Tựa riêng còn gọi là Phần Tựa Phát Khởi, phát khởi chánh văn của kinh này. Sáu loại thành tựu của hai phẩm đầu tiên trong kinh là Chánh Tín, trong Phát Khởi Tụ lại có năm lần Chứng Tín.

Thứ nhất, phóng quang hiện tướng lành, trước nay chưa từng có.

Thứ hai, ngài A-nan biết được nhất định là do chư Phật niệm nhau.

Thứ ba, Phật tán thán A-nan rằng hết thấy hàm linh trong tương lai đều nhờ câu hỏi của A-nan mà được độ thoát.

Thứ tư, Phật nói với A-nan, sở dĩ Phật xuất hiện ở đời là để mang lại lợi ích chân thật cho chúng sanh. Lợi ích chân thật là biển nguyện Di-đà, danh hiệu Di-đà, niệm Phật vãng sanh.

Thứ năm, tuyên thuyết định tuệ của Phật thông suốt rốt ráo không cùng tận, một sát-na bình đẳng với vô lượng kiếp, đối với hết thấy pháp được tự tại tối thắng.

Trên đây là năm lần Chứng Tín. Bởi vì diệu pháp Tịnh tông và thánh trí của Như Lai đều không phải là điều mà hàng Đẳng Giác Bồ-tát có thể biết được, chỉ Phật với Phật mới có thể hiểu được rốt ráo. Công đức chân thật của biển nguyện Nhất Thừa, sáu chữ hồng danh cũng không phải là điều mà phàm phu có thể nằm mơ thấy được. Vì vậy Phật chỉ đành tuyên thuyết định tuệ diệu dụng không thể nghĩ bàn của chính mình, khuyên hàng hậu học mặc dù không thể hiểu được pháp môn tín nguyện trì danh vi diệu mà Phật đã nói, nhưng hãy nên kính tin, hoan hỷ tôn trọng, y giáo phụng hành. Tu tập lâu ngày thì càng ngày sẽ càng hiểu rõ hơn.

Trọng điểm thứ hai: nhận thức hàm nghĩa sâu xa của chân thật chi tế và chân thật chi lợi. Kinh văn trong phần Tựa giới thiệu hai loại chân thật: chân thật chi tế

và chân thật chi lợi, hai loại này giống với hai đoạn mở đầu mà Liên Trì đại sư nói trong Di-đà Sớ Sao.

Đoạn thứ nhất: “thông suốt thấu triệt, thường hằng tịch tĩnh, không đục không trong, không quay lưng không hướng đến, chân thể lớn lao thay! Chỉ có tự tánh không thể nghĩ bàn!” Vì vậy, chúng ta khai hóa hiển thị chân thật chi tế, chỗ rất ráo chân thật chính là tự tánh, chính là chân thể lớn lao thông suốt thấu triệt, thường hằng tịch tĩnh. Đây chính là chân thật chi tế của kinh này.

Đoạn thứ hai: vốn dĩ không có đục, không có trong, không quay lưng, không hướng đến, nhưng chúng sanh đã đục, đã quay lưng, bội giác hợp trần, nên cần gạn lọc lại. “Gạn lọc ô trược thì thanh tịnh”, gạn lọc những thứ vẫn đục; “ngược với quay lưng thì hướng đến”, biến bội giác thành hướng giác. “Vượt khỏi ba a-tăng-kỳ trong một niệm”, tu hành trong ba đại a-tăng-kỳ kiếp mới có thể thành Phật, đây là cách tu mà Chung Giáo kiên trì, thế nhưng một niệm thì có thể vượt qua, một câu danh hiệu có thể thành tựu quả giác vô thượng, đồng thời “ngang với chư thánh nhờ một câu”. Các vị thánh nhân Văn-thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, bạn niệm một câu Nam-mô A-di-đà Phật thì bình đẳng, bình đẳng.

“Diệu dụng lớn lao thay, cũng chẳng thể nghĩ bàn, chỉ kinh Phật thuyết A-di-đà thôi”. Cũng chính là nói sự diệu dụng này là ở chỗ trì danh niệm Phật. Công hiệu của một niệm trong sát-na có thể sánh với sự tu hành trong ba đại a-tăng-kỳ kiếp, một câu danh hiệu thì địa vị lập tức ngang bằng các vị Đại Bồ-tát như Quán Âm, Thế Chí. Lớn lao thay! Diệu dụng không thể nghĩ bàn. Hiển hiện lợi ích chân thật mà chúng sanh đạt được. Hai bộ kinh cùng một tông chỉ. Diệu dụng như vậy, trong một niệm có thể vượt khỏi ba đại a-tăng-kỳ kiếp. Bạn niệm một câu Phật hiệu không tạp nhiễm, bạn liền bình đẳng với chư Thánh. Đây là lợi ích chân thật mà chư Phật ban cho chúng sanh khi xuất hiện ở đời. Chúng ta may mắn được nghe, thực sự là một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay.

Trọng điểm thứ ba: biết được địa vị và tác dụng của tôn giả A-nan trong một đời giáo hóa của Thích-ca Mâu-ni Phật.

Một, ngài là nhân vật quan trọng trong đại giáo, ngài là thị giả của Phật.

Hai, ngài là người đầu tiên trong lịch sử Phật giáo phúc giảng kinh điển mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã giảng, là người đầu tiên phúc giảng.

Ba, ngài là người kết tập kinh tạng.

Bốn, ngài là vị tổ thứ hai của Thiên tông, truyền tâm ấn của Phật.

Năm, ngài là Tập Pháp Kim Cang của Mật tông.

Sáu, ngài đã truyền thừa Thiên tông và Mật tông, nối dòng huệ mạng Phật.

Bảy, ngài thị hiện sơ quả La-hán, nhưng không phải sơ quả La-hán, ngài là Phật Bồ-tát tái lai, giúp Phật hoằng pháp.

Tám, ngài là người đương cơ của kinh Vô Lượng Thọ. Một mình ngài hội tụ Thiên, Mật, Tịnh vạn pháp quy nhất, tuy khác đường nhưng cùng đích đến kinh Vô Lượng Thọ.

Trọng điểm thứ tư: Phật trụ đại tịch định, đại tịch định là định gì? Phật trụ pháp kỳ đặc, pháp này là pháp gì? Đại tịch định này chính là niệm Phật tam-muội. Pháp kỳ đặc này chính là trì danh niệm Phật. Nhớ kỹ ba câu quan trọng này:

Một, “chư Phật sở trụ” là Di-đà Tịnh độ.

Hai, “đạo sư chi hạnh” là tín nguyện trì danh.

Ba, Di-đà Tịnh-độ và tín nguyện trì danh đều là “tối thắng chi đạo”.

Trọng điểm thứ năm: ngài A-nan thỉnh pháp có công đức gì? Công đức này lớn thế nào? Tại sao Phật lại tán thán? Công đức thỉnh pháp của A-nan là thỉnh được bộ kinh Vô Lượng Thọ có thể cứu giúp chúng sanh khổ nạn trong thời mạt pháp chín ngàn năm thoát khỏi biển khổ. Công đức thỉnh pháp của A-nan gấp trăm ngàn vạn lần công đức cúng dường A-la-hán, Bích-chi Phật trong một thiên hạ; gấp trăm ngàn vạn lần công đức bố thí lũy kiếp cho chư thiên, nhân dân, các loài bò bay máy cựa”. “Chư thiên, nhân dân, hết thảy hàm linh trong tương lai đều nhờ câu hỏi của ông mà được độ thoát”.

Phật tán thán A-nan thỉnh pháp là vì:

Một, A-nan thỉnh pháp “xưng cơ”, tức là khế cơ mà chúng ta nói, thời điểm nhân duyên đến rồi, thỉnh pháp vào lúc này rất hợp thời, cơ duyên chúng sanh thành Phật đã chín muồi.

Hai, “thỏa bồn hoài của Phật”, “hợp với tâm Phật”, Như Lai sở dĩ xuất hiện ở thế gian chỉ để nói bồn nguyện hải của đức Di-đà. Bồn nguyện Di-đà chính là bộ

kinh Vô Lượng Thọ này, chính là bốn mươi tám nguyện. Thích-ca Mâu-ni Phật vì nói bộ kinh này mà thị hiện trên thế gian.

Ba, A-nan thay mặt đại chúng thỉnh pháp. “Ông vì thương xót và làm lợi lạc cho các chúng sanh nên có thể hỏi ra nghĩa vi diệu như vậy”. Người có thể hỏi ra nghĩa vi diệu như vậy cũng rất hiếm có khó gặp. Chỉ có tâm vĩ đại như thế của ngài A-nan mới có thể hỏi ra câu hỏi thù thắng vi diệu như vậy, Thế Tôn hoan hỷ.

Trọng điểm thứ sáu: học tập mười sự tự tại của chư Phật Như Lai. Mười sự tự tại là: mạng tự tại, tâm tự tại, tư cụ tự tại, nghiệp tự tại, thọ sanh tự tại, giải tự tại, nguyện tự tại, thần lực tự tại, pháp tự tại, trí tự tại. Ai có mười điều tự tại này? Chư Phật Như Lai có. Bồ-tát có hay không? Không có. Chúng ta có hay không? Không có. Làm thế nào mới có được? Thành Phật liền có. Làm thế nào mới có thể thành Phật? Tu tâm thanh tịnh, niệm Phật thành Phật.

Trọng điểm thứ bảy: làm thế nào để áp dụng Phật pháp vào trong cuộc sống thường ngày. Vấn đề này là vấn đề quan trọng mà tôi muốn giải quyết khi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ lần thứ hai này. Tại sao vậy? Bởi vì nhiều năm như vậy, tôi nhìn thấy bạn đồng tu của mình học Phật, học rất bận rộn, rất mệt mỏi, rất vất vả, đồng thời cũng rất phiền não. Học Phật như vậy rốt cuộc có ý nghĩa thực tế gì không? Không có chút ý nghĩa thực tế nào, phải đi về cõi nào thì về cõi đó. Vấn đề nằm ở đâu? Lý luận xa rời thực tế, đây là vấn đề chung tồn tại phổ biến. Chú trọng quá nhiều điều về mặt hình thức, lơ là quá nhiều điều trên thực chất.

Điều thực chất là gì? Trước khi lão Bồ-tát Lưu Tô Thanh vãng sanh đã nói với chúng ta hai chữ “đổi tâm”. Đổi tâm phàm phu của chúng ta thành tâm Phật, thành tâm Bồ-tát, thành tâm A-la-hán. Đơn giản mà nói, [tức là] đổi tâm phàm phu của chúng ta thành tâm thánh hiền. Đổi tâm như thế nào? Để tôi nói một chút về trải nghiệm và cảm nhận của tôi.

Một, quá trình đổi tâm là một quá trình rèn luyện đau khổ. Để tôi nêu một ví dụ cho mọi người. Mấy năm trước tôi bị phê bình, bị mắng, trong lòng tôi không dễ chịu, không phục, mặc dù tôi không ra công khai tranh luận, nhưng nội tâm tôi vô cùng kháng cự. Tôi tu pháp môn gì, tôi đọc kinh gì là chuyện của tôi, dựa vào đâu mà bạn phê bình, mắng tôi? Có thể nói là như vậy, hơn nửa đời người tôi chưa từng bị oan ức như vậy, không thích ứng được, không tiếp nhận được, trong lòng rất đau

khổ, thật sự khó mà trải qua được, tâm này chậm chạp không đổi được. Làm thế nào đổi được vậy?

Hai, tìm đối tượng so sánh làm tấm gương. Tôi có duyên với Quán Thế Âm Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát là đối tượng so sánh của tôi, mỗi khi tôi gặp người hay chuyện không thể vượt qua được, tôi liền nghĩ, nếu Quán Âm Bồ-tát gặp phải người và chuyện như vậy, ngài sẽ xử lý như thế nào? Ngài sẽ không tức giận, không phiền não, không phát cáu, không oán hận, không báo thù. Quán Âm Bồ-tát đại từ đại bi, tôi học Quán Âm Bồ-tát, ngài có thể làm được, tôi cũng phải làm được. Tôi phải thật học theo Bồ-tát, học cho giống mới thật sự làm Bồ-tát.

Ba, không quan tâm đến “cái tôi”. “Cái tôi” này là sự ràng buộc lớn nhất trong cuộc đời mỗi người chúng ta. Bất kể chuyện nào cũng không thiếu được “cái tôi” hại người không ít này, nhưng con người lại cứ ưa thích “cái tôi” này, để mặc nó hại bạn mấy chục năm. Tôi đã phá “cái tôi” này như thế nào? Có thể trường hợp của tôi khá đặc biệt. Năm 2000 tôi bị bệnh nặng, phải đối mặt với cái chết bất cứ lúc nào. Năm đó tôi 55 tuổi, đáng lẽ là năm cuối cùng của đời tôi, nhưng kỳ tích lại xuất hiện, bệnh của tôi nặng như vậy không trị mà khỏi. Sau đó tôi biết: Là A-di-đà Phật giữ tôi lại để phục vụ chúng sanh, nếu đã như vậy thì “cái tôi” ban đầu sớm đã không còn tồn tại nữa. Tôi hiện nay là cái tôi mới toàn tâm toàn ý phục vụ cho chúng sanh. Nên tôi nói, hết thấy những gì tôi có đều thuộc về chúng sanh khổ nạn, không có thứ gì thuộc về tôi. Phục vụ cho chúng sanh là chuyện tôi cảm thấy vui vẻ nhất.

Bốn, không quan tâm đến được mất. Hồi tưởng lại cuộc đời hơn bảy mươi năm của tôi, tôi có thể sống khá tự tại như vậy là nhờ vào “kỳ”. Có thể là kỳ có phước của kỳ. Tôi có một ưu điểm, đó là không suy nghĩ. Chưa từng nghĩ đến tôi phải đạt được điều gì, cũng chưa từng nghĩ đến tôi đã mất điều gì. Tôi cảm thấy suy nghĩ rất mệt, không nghĩ gì rất tốt. Tôi là người điển hình tùy duyên sống qua ngày. Người như tôi không có tâm tranh giành. Để tôi kể ví dụ cho mọi người nghe.

Năm 1984, tôi được điều từ Ban tuyên truyền của đảng ủy nhà máy Đông An đến chính quyền tỉnh làm việc, không có cấp bậc, chức vụ là trợ lý, năm đó tôi 39 tuổi. Bởi vì tôi ăn mặc quá quê mùa, nên được mọi người đặt cho biệt danh là “đồ cỏ được khai quật”. Trong hai năm 1984, 1985 tôi liên tục thăng hai cấp, phó ban, trưởng ban, mà hai cấp này được đề bạt cùng lúc. Không lâu sau có người nói với tôi, chị thật thích hợp, một lần tăng hai cấp, đây là chuyện chưa từng có trong đảng

ủy chúng ta. Tôi hỏi anh ấy, vậy tại sao tôi lại được thăng hai cấp? Anh ấy nói với tôi, nghe nói là do Tổng Bí Thư đề nghị. Tổng Bí Thư là lãnh đạo đảng ủy của sở chúng tôi.

Đến nửa cuối năm 1986, trong đảng ủy đề bạt cán bộ. Tôi có tên trong danh sách đề bạt làm phó sở, các phòng ban gạch phiếu, quá trình đó tôi đều có tên trong danh sách, nhưng khi công bố kết quả lại không có tôi. Có người nói với tôi, đi tìm lãnh đạo hỏi xem có chuyện gì. Tôi nói, đề bạt hay không là chuyện của đảng ủy, tôi không đi hỏi, đề bạt ai cũng được. Cứ như vậy, từ năm 1986 đến 1992, đảng ủy của chúng tôi lại đề bạt cán bộ bốn lần, không có chuyện của tôi nữa. Có vị trưởng phòng quan tâm hỏi tôi: Tố Vân, con phạm phải sai lầm gì sao? Tôi trả lời, con không phạm sai lầm gì, bản thân con cảm thấy rất tốt. Đến năm 1992, lúc đó tôi làm nhân viên tổ chức của cơ quan đảng ủy, ban công tác đảng ủy của chính quyền tỉnh đã cho đảng ủy của tôi một nhiệm vụ, đề bạt tôi là phó ban tổ chức. Qua khoảng hai năm rưỡi, tôi được đề bạt làm chánh văn phòng, chủ nhiệm phòng giám sát. Khi đó, trong đảng ủy có một chị lớn tuổi trong cơ quan nói với tôi, Tố Vân, chị lớn tuổi hơn em, được đề bạt làm phó phòng sớm hơn em sáu năm, bây giờ em được đề bạt làm chánh văn phòng, chị vẫn làm phó phòng, trong lòng có chút bất bình. Lần này em nhường cho chị được không? Hơn nữa chị ấy còn nêu ra một vấn đề: đảng ủy chúng ta muốn từ phó văn phòng lên chánh văn phòng phải đủ ba năm, em mới làm phó phòng hai năm rưỡi, tại sao thoáng chốc lại được đề bạt làm chánh văn phòng? Hơn nữa còn là trưởng phòng thực nghiệm? Tôi nói với chị ấy, vấn đề chị hỏi em không trả lời được, đợi em đi hỏi lãnh đạo rồi trả lời chị. Lúc đó tôi có đi tìm chủ nhiệm Trương, nói rõ đầu đuôi sự việc cho ông ấy nghe.

Chủ nhiệm Trương hỏi tôi: cô tới tìm tôi là muốn nói điều gì? Tôi nói: nhường vị trí đó cho chị ấy. Chủ nhiệm Trương dùng ánh mắt kỳ lạ nhìn tôi, hỏi tôi một câu: tại sao vậy? Tôi nói, hơn năm mươi tuổi rồi, đồng nghiệp nữ lòng dạ hẹp hòi, đừng để vì chuyện này mà tức giận sinh bệnh. Chủ nhiệm Trương nói, cô không phải cũng là đồng nghiệp nữ sao? Bị một phó phòng chèn ép sáu năm không được đề bạt, ai đứng ra nói lời công đạo cho cô? Sao cô không tức giận sinh bệnh vậy? Tôi nói tâm tôi lớn, không muốn làm quan. Chủ nhiệm Trương nói, ai muốn làm thì được làm sao? Có lý nào như vậy! Chỉ vài lời đã khiến tôi áp úng. Không biết mọi người nghĩ gì về ví dụ này: tôi đã có được, hay là mất đi? Có người nói đề bạt làm chánh văn phòng là có được; phó phòng chèn ép sáu năm không được đề bạt, đó là mất đi. Bản

thân tôi cho rằng, tôi không được gì và cũng không mất gì. Chỉ cần tâm bạn cân bằng thì cán cân đó vĩnh viễn không nghiêng lệch. Không quan tâm đến được mất, biết rõ đạo lý “hết thấy pháp vô sở hữu, đều là không, không thể đạt được” thì bạn còn lo được lo mất sao? Không quan tâm đến được mất, biết đủ thường vui, bạn sẽ có một đời sống vui vẻ.

Năm, không quan tâm đến vinh nhục. Đời này của tôi có thể nói là nửa vinh nửa nhục, nửa chê nửa khen. So sánh với nhau, vinh nhiều hơn nhục, khen nhiều hơn chê. Như vậy tôi cũng khá hài lòng rồi, đây là đời sống thật của tôi. Tôi có sự nhận thức về vinh nhục khác với mọi người: Hai cửa ải vinh và nhục, hai cửa ải này không dễ bước qua. Cửa vinh không dễ bước qua, cửa nhục không dễ qua. Nhưng so sánh hai cửa ải này mà nói, đối với tôi thì tôi cảm thấy cửa vinh khó bước qua hơn cửa nhục. Những năm này, tôi đang qua hai cửa ải này cùng lúc. Cho đến nay, tự mình cảm nhận, tôi đã bước qua cả hai cửa ải này rồi. Tôi cảm thấy rất vui mừng an ủi. Đối với vinh, tôi không còn cảm thấy lằng lằng, trước sau như một; đối với nhục, tôi坦然 đối mặt, trong lòng cảm ân, không hận không oán. Những năm này, vinh dự lớn nhất mà tôi nhận được là sự chứng nhận của sư phụ trong quá trình giảng kinh, sư phụ nhiều lần nhắc đến tôi, đây cũng là điều mà các đồng tu vô cùng ngưỡng mộ. Tôi đã nói với các đồng tu nhiều lần, lão pháp sư không chỉ tán thán một mình Lưu Tố Vân tôi, mà tán thán tất cả những người niệm Phật chân chánh. Mọi người biết không? Người niệm Phật chân chánh là bảo bối trong tay lão pháp sư. Mong rằng quý vị đồng tu ai cũng là bảo bối trong tay ngài. Tôi cũng là nhờ vào ánh sáng của sáu chữ, “thật thà, nghe lời, thật làm” mà trở thành bảo bối trong tay lão pháp sư.

Những năm này, bị hủy báng, chửi mắng, ác ý vu khống, đã đạt đến đỉnh điểm trong đời sống. Trải qua nhiều năm rèn luyện như vậy, tôi đã quen với những chuyện như thế, không còn thấy lạ nữa. Lúc mới đầu tôi không hiểu, tại sao mọi người có thể nói lung tung như vậy! Mọi người phải chịu trách nhiệm đối với mỗi câu mình nói ra chứ. Có trách nhiệm với người khác, có trách nhiệm với chính mình. Sau đó tôi hiểu được, có một số người thích nói lung tung, vậy thì phải làm sao? Mặc kệ họ thôi!

Đối với những chuyện như vậy, tôi giữ vững nguyên tắc của mình: không đối lập với bất kỳ người, việc, vật nào. Trên thế gian này không người nào tôi không yêu thương, trên thế gian này tôi không hận người nào, trên thế gian này không người

nào mà tôi không thể tha thứ. Trong cuộc đời của tôi không có oan gia trái chủ, họ đều là người thân, là ân nhân của tôi. Không tranh luận, không thảo luận, không biện luận, không giải thích. Giữ vững những nguyên tắc này khiến tâm của tôi càng ngày càng thanh tịnh, càng ngày càng bình đẳng, càng ngày càng gần với giác rồi.

Tâm thanh tịnh như nước,

Ngày ngày sanh trí tuệ.

Vinh nhục đều là giả

Hà tất coi là thật.

Sáu, không quan tâm đến sống chết. Rất nhiều người khi nghĩ đến cái chết đều cảm thấy rất đáng sợ. Xưa nay trong ngoài nước đều có hiện tượng này. Có mấy ai không sợ chết? Người học Phật cũng không ngoại lệ. Tại sao con người lại tham sống sợ chết? Bởi vì không hiểu chân tướng của sống chết. Nếu như biết được chân tướng của sống chết thì sẽ không tham sống, cũng không sợ chết. Tham sống sợ chết là vọng niệm, là vọng tưởng. Mọi người nghĩ thử xem, tham sống có thể sống sao? Sợ chết có thể không chết sao? Phàm phu lục đạo sống trong vọng tưởng, đây là chuyện rất khổ. Người niệm Phật nhất định phải ghi nhớ, tuyệt đối không được tham sống sợ chết.

Người nước ngoài nghiên cứu về cái chết, kết luận của họ là con người sẽ không chết, mà cái gì chết? Là thân thể. Thân thể có sống chết, thân thể không phải là chính mình. Hiện nay, người nước ngoài đã thừa nhận có linh hồn, họ cho rằng linh hồn là chính mình. Chúng ta nói theo Phật pháp, linh hồn vẫn không phải là chính mình, chính mình thật sự là gì? Chính mình thật sự là tự tánh, đó mới là chính mình thực sự. Vậy thì linh hồn là chuyện như thế nào? Linh hồn là trạng thái mê hoặc điên đảo của bản tánh. Sau này nói linh hồn là chính mình, vậy cũng đã tiến bộ rất nhiều rồi.

Vì vậy, chúng ta nhất định phải biết: tự tánh là chính mình thực sự, không sanh không diệt, không đến không đi, đây là cái tôi thật sự. Thân thể này giống như quần áo rách vậy, phải đổi một bộ mới; giống như căn nhà lâu ngày sắp bị sập, phải đổi một căn nhà mới. Nên thân thể thường có thể thay đổi. Từ vô lượng kiếp đến nay, không biết chúng ta đã thay đổi bao nhiêu lần rồi, điều này có gì đáng sợ? Điều này có gì ghê gớm? Trong quan niệm sai lầm của người thông thường có sống chết, nhưng thực ra không có sống chết. Cửa Phật nói “liễu sanh tử”; liễu là hiểu

rõ, chỉ cần bạn biết sống chết rốt cuộc là chuyện như thế nào thì bạn sẽ không tham sống, bạn cũng sẽ không sợ chết. Cho nên người niệm Phật chân chánh, không hề sợ hãi sống chết! Thật sự hiểu được thế nào là coi cái chết như trở về nhà.

Lão hòa thượng thượng Hải hạ Hiền, lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh, lão Bồ-tát Lưu Minh Hoa, các ngài có sanh tử không? Không có. Các ngài sống mà ra đi, là vô lượng thọ thật sự. Chư Phật Bồ-tát từ bi, để tôi đích thân trải nghiệm và tận mắt nhìn thấy toàn bộ quá trình hai vị Bồ-tát Lưu Tố Thanh, Lưu Minh Hoa sống mà vắng sanh. Tôi khẳng định người niệm Phật chân chánh không có sống chết, các ngài là sống mà vắng sanh. Đối mặt với sự vắng sanh tiêu dao tự tại của các ngài, chúng ta cảm thấy sanh tử còn gì đáng sợ đâu?

Nói một chút về quá trình nhận thức của tôi đối với sống chết. Nói chung tôi là người không sợ chết. Trước năm 20 tuổi không biết thế nào là chết. Chưa từng thấy qua, thậm chí chưa từng nghe đến, cho nên không thể nói đến sợ hay không sợ chết được. Sau năm 20 tuổi, liên tiếp thấy ông ngoại, bà ngoại, cha mẹ, cha mẹ chồng qua đời, biết được già rồi thì sẽ chết. Không biết tại sao, đối mặt với cái chết của người thân, tôi không biết khóc. Tôi nhớ lúc đưa tiễn mẹ, quan tài chuyển lên xe rồi, tôi đứng bên cạnh không rơi một giọt nước mắt nào. Học sinh, phụ huynh của tôi ở dưới xe kêu lên: cô phải khóc chứ, cô mau khóc đi! Tôi nói: tôi khóc không được. Chẳng lẽ tôi là người vô tình vô nghĩa sao? Không phải. Đó là người mẹ mà tôi thương nhất mà! Năm mẹ qua đời tôi 40 tuổi. Cũng chưa cảm thấy sự đáng sợ của cái chết. Tôi cảm thấy đây là quy luật tự nhiên, không ai có thể chống lại, càng không ai có thể vượt qua.

Nói một chút cảm nhận của tôi khi người thân qua đời: Sau khi kết hôn, tôi vẫn luôn sống chung với cha mẹ chồng, cho đến khi cha mẹ chồng qua đời. Tôi sống chung với cha chồng 18 năm, sống chung với mẹ chồng 22 năm. Hai đứa con của tôi đều nhờ cha mẹ chồng nuôi nấng, tôi không cần lo lắng chút nào, trừ những lúc con bệnh cần tôi bên cạnh, những lúc còn lại đều do cha mẹ chồng lo hết. Tôi còn nhớ lúc con gái được tám tháng, tôi phải đi họp tám ngày, cho con cai sữa, đều nhờ bà nội cho con bú. Cho nên tình cảm của hai đứa con với ông bà nội rất sâu đậm. Tôi luôn cảm thấy trong nhà có người lớn tuổi thật tốt, trong lòng yên tâm. Cha mẹ chồng tôi lần lượt qua đời cách nhau bốn năm, đối với tôi mà nói, cảm giác như không còn ai tin cậy nữa. Đặc biệt là lúc tan ca về nhà, vừa bước vào căn phòng thì trống

vắng, lạnh lẽo. Một thời gian tôi không thể thích ứng được, cứ cảm thấy vừa bước vào phòng, cha chồng tôi đang ngậm tẩu thuốc ngồi trên giường. Nhưng tôi biết, những tháng ngày đó sẽ không bao giờ trở lại, khung cảnh ám áp ấy sẽ không tái hiện nữa.

Trong khoảng bốn năm, từ 1984 đến 1988, bốn người: cha mẹ tôi, cha mẹ chồng lần lượt qua đời. Xin lỗi, cứ mỗi lần sanh ly tử biệt khiến tôi nếm đủ cảm giác đau khổ không thiết sống khi mất đi người thân. Mỗi người thân qua đời đều để lại cho tôi rất nhiều hối tiếc. Điều tôi cảm thấy có chút an ủi đó là, lúc bốn người qua đời đều không bị bệnh tật giày vò, đầu óc người nào cũng tỉnh táo, không lú lẫn chút nào. Chỉ là lúc đó tôi chưa học Phật, không hiểu thế nào là biết trước thời gian. Bốn người có biết trước thời gian hay không, tôi không thể xác định, nhưng đều ra đi rất an tường, điều này là thật. Nếu như hỏi bây giờ còn điều gì hối tiếc không, chính là lúc đó tôi chưa học Phật, không biết thế giới Tây Phương Cực Lạc, không biết A-di-đà Phật, không biết niệm Phật trợ niệm đưa tiền các cụ vắng sanh thế giới Cực Lạc. Điều đáng vui mừng là tôi đã học Phật, tôi có thể làm chút gì cho người thân đã mất của mình, cũng coi như một chút báo đáp cho người thân. Tôi không thể để cha mẹ ruột, cha mẹ chồng uổng công thương yêu tôi, chăm sóc tôi. Hiện tại cha mẹ tôi đã đến thế giới Cực Lạc, cha mẹ chồng đi về đâu vẫn còn chưa rõ, tôi nhất định tiếp tục cố gắng, bảo đảm ba người, cha chồng và hai mẹ chồng vắng sanh thế giới Cực Lạc. Ngoài ra, con trai duy nhất của họ cũng vắng sanh thế giới Cực Lạc làm Phật rồi, có thể không giúp cha mẹ đã sanh ra mình sao? Hơn nữa con trai của họ còn là một người con rất hiếu thảo.

Đến năm 2000 tôi bị bệnh nặng, bác sĩ chữa trị cho tôi nói rằng phải đối mặt với cái chết bất cứ lúc nào. Tôi không sợ chết, thậm chí còn mong mình chết sớm hơn, tại sao vậy? Tôi đang tìm một sự giải thoát. Tôi không hiểu những chuyện đã xảy ra, tại sao lại thành ra như vậy? Tôi không thích thế giới tràn đầy giả dối, anh tranh tôi đấu này, tôi muốn rời khỏi. Vào lúc này bị bệnh nặng, tôi nghĩ cơ hội đến rồi, không phải chết là hết sao? Chết là hết, vừa chết thì mọi thứ kết thúc. Tôi không sợ chết, tôi muốn chết, nhưng lại không chết được. Sự việc không thể nghĩ bàn như vậy đó.

Vào đúng năm 2000, tôi được nghe Phật pháp, có được bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ và đĩa giảng kinh của lão pháp sư. Vừa nghe liền nghe 20 năm, không

thay đổi không chuyển hướng, tôi nhận được lợi ích rồi. Hiện tại tôi không sợ chết là thật sự không sợ chết, vì tôi đã hiểu rõ chân tướng của sống chết, vốn không có chết thì còn sợ chết gì nữa? Chuyện lớn này đã giải quyết rồi, bạn nói xem sao tôi có thể không tự tại, không vui vẻ cho được!

*Bạn nói bạn sợ chết
Thì thế nào cũng chết.
Tôi thật không sợ chết
Thì tôi sẽ không chết.
Sống chết đều là giả,
Bạn còn sợ chi nữa.*

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!